



Thực trạng hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

Trần Thị Vĩnh Nam¹, Nguyễn Thị Ngọc Bé²

¹Trường Tiểu học Sơn Tây, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 05/11/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 25/12/2024

Ngày nhận đăng: 26/12/2024

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Giáo viên;

Hoạt động trải nghiệm;

Học sinh;

Trường tiểu học.

TÓM TẮT

Bài báo đánh giá thực trạng hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho học sinh (HS) ở các trường tiểu học huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn đối với 24 cán bộ quản lý (CBQL) và 159 giáo viên (GV) ở các trường tiểu học huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk, bài báo đánh giá thực trạng HĐTN cho HS trên cơ sở khảo sát mức độ thực hiện và kết quả thực hiện của các thành tố giáo dục: mục tiêu; nội dung; phương thức tổ chức; loại hình và đánh giá kết quả HĐTN của HS. Kết quả khảo sát cho thấy, về tổng thể HĐTN cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện Krông Bông có mức độ từ bình thường đến khá thường xuyên và kết quả thực hiện từ trung bình đến tốt. Trong đó, mức độ thực hiện và kết quả thực hiện các loại hình HĐTN cao nhất và phương thức tổ chức HĐTN có mức độ thực hiện và kết quả thực hiện thấp nhất. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các khuyến nghị đối với các chủ thể liên quan nhằm nâng cao hiệu quả HĐTN cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu.

1. MỞ ĐẦU

HĐTN đang là xu thế đổi mới giáo dục trên thế giới cũng như ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Nói đến học thuyết giáo dục trải nghiệm, phải nhắc đến quan điểm “học thông qua làm, học bắt đầu từ làm” của Dewey. Từ năm 1938, “Kinh nghiệm và giáo dục (Experience and Education)” của John Dewey là tập sách đã được xuất bản. Ông khuyến nghị rằng, HS chỉ có thể học một cách hiệu quả thông qua quá trình trải nghiệm của chính bản thân mình (Dewey, 1986). Với triết lý giáo dục đề cao vai trò kinh nghiệm, từ giữa thế kỉ XX, ông đã đưa ra được quan điểm về vai trò của kinh nghiệm trong giáo dục. Năm 1971, lý thuyết HĐTN của Kolb (1984) chính thức được công bố lần đầu tiên với tư cách là lý thuyết tương đối toàn diện về một phương thức học tập tích lũy, chuyển hóa kinh nghiệm. HĐTN đã trở thành một cách tiếp cận phổ biến trong thực hành dạy học ở nhiều nơi trên thế giới, đối với giáo dục chính quy cũng như không chính quy (Baysal et al., 2018).

Như vậy HĐTN có vai trò rất quan trọng trong quá trình giáo dục, bởi nó đề cao việc hình thành năng lực người học thông qua những trải nghiệm thực tiễn, phù hợp với quy luật về tâm lí đối với việc hình thành và phát triển nhân cách cho HS. Đối với các nước có nền giáo dục phát triển, đặc biệt là các nước tiếp cận CTGDPT theo hướng phát triển năng lực, HĐTN được quan tâm và triển khai dưới nhiều góc độ (Nguyễn et al., 2016). Tác giả Polesel (2012) đã cho thấy rằng việc tổ chức các HĐTN giáo dục sẽ có tác động tích cực trong việc gắn kết nhà trường và gia đình để giáo dục HS, điều này là hết sức cần thiết trong giáo dục. Vì vậy, đổi mới CTGDPT 2018 đã đặt ra yêu cầu phát triển năng lực người học và tăng cường tối đa việc tổ chức các HĐTN trong nhà trường để HS chủ động, tích cực trong học tập. Tổ chức HĐTN chính là quá trình

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Ngọc Bé;

Địa chỉ e-mail: ntngocbe@hueuni.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.131.2025>

GV tổ chức các hoạt động học tập kết hợp suy nghĩ và hành động để HS có cơ hội được sử dụng vốn kinh nghiệm của mình tự tìm kiếm, khám phá kiến thức, rèn luyện kỹ năng để phát triển năng lực, đạt được mục tiêu học tập các môn học dưới sự dẫn dắt, hướng dẫn của GV (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Đối với bậc tiểu học, HĐTN đóng vai trò quan trọng và góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường. Qua HĐTN, HS có thể nắm bắt được kiến thức một cách dễ dàng hơn; giúp HS có cơ hội để phát huy tính sáng tạo. Hoạt động này giúp cho HS có nhiều cơ hội trải nghiệm để vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn. Từ đó hình thành năng lực thực tiễn cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của bản thân. Nếu như mục tiêu của dạy học trên lớp là phát triển trí tuệ thì mục tiêu chủ yếu của HĐTN là phát triển năng lực, phẩm chất HS. HĐTN hình thành cho HS thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày, chăm chỉ lao động; thực hiện trách nhiệm của người HS ở nhà, ở trường và địa phương; biết tự đánh giá và điều chỉnh bản thân; hình thành những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá; hợp tác nhóm và hình thành được năng lực giải quyết vấn đề (Phó et al., 2020).

HĐTN là mới trong CTGDPT 2018 và thực hiện từ năm học 2020-2021 bắt đầu lớp 1 theo lộ trình. HĐTN gồm 03 mạch nội dung đối với lớp 1 (Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên); 04 mạch nội dung đối với lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 (Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp). HĐTN được thực hiện thông qua bốn loại hình hoạt động chủ yếu: Sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động giáo dục theo chủ đề, hoạt động câu lạc bộ, trong đó câu lạc bộ là loại hình tự chọn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019). Mục tiêu của HĐTN là hình thành cho HS thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày, chăm chỉ lao động; thực hiện trách nhiệm của người HS ở nhà, ở trường và địa phương; biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân; hình thành những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá; có ý thức hợp tác nhóm và hình thành được năng lực giải quyết vấn đề (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Hiện nay việc thực hiện tổ chức HĐTN thông qua sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, giáo dục theo chủ đề (3 loại hình bắt buộc) và câu lạc bộ (tự chọn) vẫn còn mang tính hình thức, chưa thực chất và hiệu quả chưa cao. HĐTN là hoạt động giáo dục bắt buộc lần đầu tiên được đưa vào CTGPT 2018, nên với GV, đây là hoạt động giáo dục khá mới mẻ; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng còn ngắn, thời gian trải nghiệm dạy chưa nhiều, mặc dù các trường được giao chủ động lựa chọn các hình thức tổ chức cụ thể phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương, tuy nhiên không tránh khỏi những lúng túng, khó khăn trong thực hiện. Nghiên cứu của Lê Thị Mỹ Trà (2023) đã cho thấy ưu điểm nổi bật nhất khi tổ chức HĐTN cho HS lớp 1 là nhận thức tốt của GV và các thành phần liên quan về HĐTN. Một số hạn chế còn tồn tại như lựa chọn sách giáo khoa, việc phối hợp công việc giữa các thành phần liên quan chưa hợp lý, thực hiện tích hợp kiến thức chưa được quan tâm đúng mức, quản lý HS gặp khó khăn.

Trước những yêu cầu cấp thiết về việc nâng cao chất lượng HĐTN cho HS ở trường tiểu học, cũng như những hạn chế của thực trạng HĐTN cho HS trong trường tiểu học hiện nay, việc tiến hành nghiên cứu HĐTN cho HS ở các trường tiểu học huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk là hết sức cần thiết. Nghiên cứu thực trạng HĐTN cho HS ở các trường tiểu học huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện theo tiếp cận các thành tố: Mục tiêu; Nội dung; phương thức; loại hình tổ chức HĐTN cho HS; Đánh giá kết quả HĐTN cho HS. Kết quả khảo sát là cơ sở thực tiễn để đề xuất những kiến nghị phù hợp đối với các chủ thể liên quan (CBQL và GV) trong HĐTN cho HS ở các trường tiểu học ở địa bàn nghiên cứu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khách thể nghiên cứu: Nghiên cứu tiến hành khảo sát 210 CBQL, GV tại 7 trường tiểu học trên địa bàn huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên số phiếu thu lại còn 183 phiếu (chiếm 87,1%), trong đó 24 CBQL (Hiệu Trưởng và Phó Hiệu trưởng) 159 GV. Lý do phiếu thu về không đủ là do một số GV không gửi lại và một số phiếu đánh bỏ một số câu nên phiếu được loại ra để đảm bảo độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng phương pháp chính là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 (không thực hiện/ kém) đến 5 (rất thường xuyên thực hiện/ tốt). Đánh giá thực trạng HĐTN cho HS được thực hiện theo quy ước: $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,80$: Không thực hiện/Kém; $1,81 \leq \text{ĐTB} \leq 2,60$: Hiếm khi thực hiện/Yếu; $2,61 \leq \text{ĐTB} \leq 3,40$: Thỉnh thoảng thực hiện /Trung bình; $3,41 \leq \text{ĐTB} \leq 4,20$: Khá thường xuyên thực hiện/ Khá; $4,21 \leq \text{ĐTB} \leq 5,0$: Rất thường xuyên thực hiện/Tốt. Ngoài ra, để làm rõ hơn về thực trạng HĐTN cho HS ở các trường tiểu học huyện Krông Bông, nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 5 CBQL (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng) và 5 GV của một số trường trên địa bàn khảo sát. Kết quả phỏng vấn được xử lý bằng phương pháp định tính, trong đó sử dụng các ý kiến có sự tương đồng với nhau của các CBQL, GV tham gia phỏng vấn để phân tích, lý giải cho kết quả nghiên cứu.

Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 25. Các thông số thống kê được sử dụng trong nghiên cứu gồm: tỉ lệ %, điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng thực hiện mục tiêu, yêu cầu cần đạt của hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Krông Bông

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV về thực hiện mục tiêu, yêu cầu cần đạt của HĐTN cho HS

STT	Mục tiêu và yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
I	Phẩm chất chủ yếu							
1	Yêu nước	0,0	0,0	5,5	63,9	30,6	4,25	0,55
2	Nhân ái	0,0	0,0	5,5	71,6	23,0	4,17	0,51
3	Chăm chỉ	0,0	0,0	13,1	86,9	0,0	3,87	0,34
4	Trung thực	0,0	0,0	12,6	82,0	5,5	3,93	0,42
5	Trách nhiệm	0,0	0,0	18,6	81,4	0,0	3,81	0,39
	ĐTB						4,01	0,44
II	Năng lực chung							
1	Năng lực tự chủ và tự học	0,0	0,0	24,0	76,0	0,0	3,76	0,43
2	Năng lực giao tiếp và hợp tác	0,0	0,0	22,4	71,6	6,0	3,84	0,51
3	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	0,0	0,0	29,5	70,5	0,0	3,70	0,46
	ĐTB						3,77	0,45
III	Năng lực đặc thù							
1	Năng lực thích ứng với cuộc sống	0,0	7,7	42,6	49,7	0,0	3,42	0,63
2	Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động	0,0	14,8	65,6	19,7	0,0	3,05	0,59
3	Năng lực định hướng nghề nghiệp	0,0	36,6	36,1	27,3	0,0	2,91	0,80
	ĐTB						3,13	0,67

*Ghi chú: Điểm trung bình: ĐTB ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn.

Bảng 1 phản ánh sự đánh giá của CBQL và GV về việc thực hiện các mục tiêu và yêu cầu cần đạt của các HĐTN đối với HS tiểu học. Trong việc hình thành phẩm chất chủ yếu, nhìn chung, kết quả cho thấy các mục tiêu và yêu cầu này đều được thực hiện với mức độ từ trung bình đến tốt với ĐTB dao động từ 3,81 đến 4,25. Cụ thể, yêu cầu về yêu nước được đánh giá cao nhất với ĐTB là 4,25 (kết quả thực hiện ở mức tốt). Hầu hết GV và CBQL (63,9%) đánh giá mức độ đạt yêu cầu ở mức khá, và 30,6% ở mức tốt, cho thấy các yêu cầu này được triển khai hiệu quả. Tiếp theo là yêu cầu nhân ái với ĐTB đạt 4,17, cho thấy các HĐTN giúp HS phát triển tình cảm, lòng nhân ái và sự quan tâm đến người khác. Mức độ đánh giá ở các mức khá (71,6%) và tốt (23%) cũng phản ánh sự thành công của các hoạt động này trong việc hình thành đức tính nhân ái.

Về yêu cầu chăm chỉ, kết quả có ĐTB thấp hơn một chút là 3,87 (tương ứng với mức khá), nhưng vẫn phản ánh sự quan tâm lớn đến việc hình thành thói quen làm việc chăm chỉ ở HS. Tuy nhiên, có một sự phân bố rõ rệt khi tỷ lệ đánh giá ở mức khá (86,9%) cho thấy phần lớn GV và CBQL đều công nhận hiệu quả của HĐTN trong việc khuyến khích HS chăm chỉ, nhưng tỷ lệ 0% đánh giá ở mức tốt cho thấy vẫn có một khoảng cách nhất định để đạt được mức độ hoàn hảo trong yêu cầu này. Trung thực và trách nhiệm cũng là hai phẩm chất được đánh giá cao, với ĐTB lần lượt là 3,93 và 3,81 (kết quả thực hiện khá), phản ánh sự tích cực trong việc giúp HS hình thành và duy trì những phẩm chất đạo đức cơ bản. Đặc biệt, tỷ lệ đánh giá ở mức khá đối với yêu cầu trung thực là rất cao (82%), điều này cho thấy HĐTN đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục tính trung thực cho HS. Kết quả phỏng vấn cũng khẳng định vai trò của các hoạt động này trong việc phát triển phẩm chất của HS. GV một trường tiểu học cho biết: “Các HĐTN không chỉ giúp HS học hỏi kiến thức mà còn giúp các em thực hành những giá trị sống. Đặc biệt, khi tham gia các hoạt động, các em có cơ hội thể hiện lòng yêu nước, sự trung thực và trách nhiệm trong từng hành động.” Điều này chứng minh rằng HĐTN có tác động mạnh mẽ và hiệu quả trong việc hình thành các phẩm chất chủ yếu của HS, từ đó giúp các em trở thành những công dân có ích cho xã hội. Nhìn chung, các HĐTN đã đáp ứng khá tốt các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, góp phần tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhân cách của HS tiểu học.

Đối với năng lực chung của HS tiểu học. Các kết quả cho thấy các HĐTN đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển các năng lực chung như tự chủ, giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề. Đầu tiên, yêu cầu về

năng lực tự chủ và tự học đạt ĐTB 3,76 (kết quả thực hiện khá), với tỷ lệ cao (76%) đánh giá ở mức khá. Điều này cho thấy HĐTN giúp HS phát triển khả năng tự học và tự quản lí trong quá trình học tập. Tuy nhiên, không có sự đánh giá ở mức tốt, điều này cho thấy vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để các hoạt động này đạt hiệu quả tối đa trong việc rèn luyện năng lực tự học cho HS. Tiếp theo, yêu cầu về năng lực giao tiếp và hợp tác được đánh giá khá cao với ĐTB là 3,84 (kết quả thực hiện khá). Đặc biệt, 71,6% đánh giá ở mức khá và 6% ở mức tốt cho thấy HĐTN rất hiệu quả trong việc giúp HS phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm. Những hoạt động này tạo điều kiện cho HS học cách chia sẻ ý tưởng, lắng nghe người khác và cùng nhau giải quyết các nhiệm vụ chung, những yếu tố cần thiết để các em thành công trong môi trường học tập và xã hội. Cuối cùng, yêu cầu về năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo có ĐTB thấp nhất trong phần năng lực chung, đạt 3,70. Mặc dù phần lớn đánh giá ở mức khá (70,5%), nhưng không có đánh giá ở mức tốt, cho thấy rằng các HĐTN đã giúp HS cải thiện khả năng tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề, nhưng vẫn còn một khoảng cách để các hoạt động này có thể phát huy hết tiềm năng trong việc hình thành năng lực sáng tạo cho HS. Một câu phỏng vấn từ GV tại trường tiểu học, cho thấy sự quan trọng của HĐTN trong việc phát triển năng lực chung của HS: *“Các hoạt động này không chỉ giúp các em học được kiến thức mà còn dạy cho các em cách làm việc nhóm, giải quyết vấn đề sáng tạo và tự học. Những kỹ năng này là nền tảng cho sự thành công trong học tập và cuộc sống sau này.”* Điều này khẳng định rằng HĐTN không chỉ giúp HS học hỏi kiến thức mà còn giúp các em phát triển những kỹ năng mềm quan trọng, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện. Tóm lại, các HĐTN đã góp phần quan trọng trong việc phát triển các năng lực chung của HS, tuy nhiên vẫn còn một số lĩnh vực cần cải thiện để đạt hiệu quả tối đa trong việc hình thành các kỹ năng này.

Đối với năng lực đặc thù của HS tiểu học. Kết quả cho thấy các năng lực này được đánh giá ở mức độ vừa phải, với ĐTB trong khoảng từ 2,91 đến 3,42 (tương ứng với kết quả thực hiện từ trung bình đến khá), phản ánh một số khía cạnh còn cần cải thiện để đạt được hiệu quả tối ưu trong việc phát triển các năng lực đặc thù cho HS. Đầu tiên, yêu cầu về năng lực thích ứng với cuộc sống đạt ĐTB là 3,42 (kết quả thực hiện ở mức khá), với tỷ lệ đánh giá ở mức khá (49,7%) và mức trung bình (42,6%). Điều này cho thấy các HĐTN có tác động tích cực trong việc giúp HS thích ứng với các tình huống và hoàn cảnh khác nhau trong cuộc sống. Tuy nhiên, không có đánh giá ở mức 5, điều này cho thấy vẫn còn những yếu tố cần được cải thiện để HĐTN phát huy hiệu quả tối đa trong việc giúp HS phát triển khả năng thích ứng. Tiếp theo, yêu cầu về năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động có ĐTB thấp nhất trong phần năng lực đặc thù, chỉ đạt 3,05 (kết quả thực hiện trung bình). Mặc dù tỷ lệ đánh giá ở mức trung bình chiếm phần lớn (65,6%), chỉ có 19,7% đánh giá ở mức khá và không có ý kiến đánh giá ở mức tốt, điều này phản ánh rằng các HĐTN vẫn chưa thực sự đạt hiệu quả tối ưu trong việc phát triển năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động cho HS. Điều này có thể cho thấy HS vẫn còn thiếu kinh nghiệm trong việc tổ chức và quản lí các hoạt động, cần có thêm những sự hỗ trợ và hướng dẫn từ GV. Cuối cùng, yêu cầu về năng lực định hướng nghề nghiệp đạt ĐTB thấp nhất trong bảng với 2,91 (kết quả thực hiện trung bình). Điều này có thể cho thấy rằng HĐTN chưa thật sự chú trọng đến việc giúp HS nhận thức và định hình những kỹ năng nghề nghiệp ngay từ bậc tiểu học. Phần lớn đánh giá ở mức trung bình (36,1%) và mức yếu (36,6%) cho thấy năng lực này chưa được phát triển mạnh mẽ qua các HĐTN, và cần có sự thay đổi trong cách thức tổ chức và nội dung hoạt động để đáp ứng tốt hơn yêu cầu này. Tóm lại, mặc dù các HĐTN đã góp phần phát triển một số năng lực đặc thù cho HS, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần được cải thiện và chú trọng hơn, đặc biệt là trong các lĩnh vực thiết kế tổ chức hoạt động và định hướng nghề nghiệp.

3.2. Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Krông Bông

Kết quả khảo sát mức độ thực hiện các nội dung HĐTN cho HS ở các trường tiểu học huyện Krông Bông được CBQL và GV đánh giá ở bảng 2.

Số liệu ở bảng 2 cho thấy, CBQL và GV đánh giá về mức độ thực hiện các nội dung HĐTN cho HS ở các trường tiểu học huyện Krông Bông ở mức từ trung bình đến khá với ĐTB của 4 nhóm nội dung của HĐTN từ 2,36 (trung bình) đến 3,58 (khá). Như vậy các nội dung HĐTN mà các trường tổ chức cho HS còn chưa hiệu quả. *Qua trao đổi với cô T.T.M.A được biết hiện các trường thực hiện nhiều nội dung dạy học, đội ngũ GV đi học bồi dưỡng liên tục, các điều kiện để tổ chức còn hạn chế nên việc thực hiện các nội dung của HĐTN còn hạn chế.* Trong nhóm các nội dung HĐTN thì, nhóm nội dung “Hoạt động hướng vào bản thân” được đánh giá là tốt nhất với ĐTB là 3,58 (mức khá). Nhóm nội dung này bao gồm: Tìm hiểu hình ảnh và tính cách của bản thân; Tìm hiểu khả năng của bản thân; Rèn luyện nề nếp, thói quen tự phục vụ và ý thức trách nhiệm trong cuộc sống và Rèn luyện các kĩ năng thích ứng với cuộc sống ĐTB đánh giá của các nội dung này từ 3,57 đến 3,58 (mức khá). Thực tế nội dung này không chỉ gắn với môn học khoa học tự nhiên và xã hội mà còn được GV và nhà trường rèn luyện thường xuyên nên việc đánh giá cao là hợp lý. Nội dung được đánh giá thực hiện ở mức tiếp theo là nội dung “Hoạt động hướng đến xã hội” có ĐTB ở mức độ

thực hiện là 3,46 và có ĐTB dao động ở các tiêu nội dung là 3,44 đến 3,47 (mức khá). Kết quả này so với yêu cầu còn chưa đáp ứng nên các trường cần có sự quan tâm hơn trong tổ chức HĐTN hướng đến giúp HS hình thành những năng lực xã hội như: Quan tâm, chăm sóc người thân và các quan hệ trong gia đình; Tham gia các công việc của gia đình; Xây dựng và phát triển quan hệ với bạn bè và thầy cô;...

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV về kết quả thực hiện nội dung của HĐTN cho HS ở các trường tiểu học

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
I	Hoạt động hướng vào bản thân		
1	Hoạt động khám phá bản thân	3,57	0,50
2	Hoạt động rèn luyện bản thân	3,58	0,49
	ĐTBC	3,58	0,50
II	Hoạt động hướng đến xã		
1	Hoạt động chăm sóc gia đình	3,46	0,50
2	Hoạt động xây dựng nhà trường	3,44	0,78
3	Hoạt động xây dựng cộng đồng	3,47	0,60
	ĐTBC	3,46	0,63
III	Hoạt động hướng đến tự nhiên		
1	Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	3,40	0,49
2	Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	3,49	0,50
	ĐTBC	3,45	0,50
IV	Hoạt động hướng nghiệp		
1	Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp (đối với HS từ lớp 2 đến lớp 5)	2,63	0,48

Nội dung hoạt động hướng đến tự nhiên có ĐTB= 3,45 và các tiêu nội dung có ĐTB dao động từ 3,40 (mức trung bình) đến 3,49 (mức khá). Các tiêu chí thành phần của nhóm nội dung này như: Khám phá vẻ đẹp, ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên; Tham gia bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; Tìm hiểu thực trạng môi trường và Tham gia bảo vệ môi trường. Trên thực tế, việc xác định các nội dung hoạt động hướng đến tự nhiên thông qua HĐTN cho HS cần căn cứ vào mục tiêu HĐTN; đặc điểm tâm, sinh lý và trình độ nhận thức của từng lứa tuổi HS. Xác định đúng nội dung hoạt động hướng đến tự nhiên thông qua HĐTN là cơ sở quan trọng để GV có thể lựa chọn và sử dụng một cách hợp lý các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động để đạt hiệu quả. Với ĐTB trên cho thấy các trường xác định chưa đầy đủ các nội dung của hoạt động hướng đến tự nhiên cần cung cấp cho HS thông qua HĐTN, nhất là những nội dung liên quan đến ý thức, thái độ đối với môi trường và bảo vệ môi trường. Nhóm nội dung được CBQL, GV ở các trường được khảo sát đánh giá mức thực hiện thấp nhất là Hoạt động hướng nghiệp (đối với HS từ lớp 2 đến lớp 5) với ĐTB là 2,63 (mức trung bình). Hoạt động hướng nghiệp cho HS tiểu học là nội dung mới và nhiều GV chưa quan tâm nhiều trong việc tổ chức cho trẻ tìm hiểu về các ngành nghề trong xã hội.

Tóm lại, các trường Tiểu học trên địa bàn huyện Krông Bông đã quan tâm thực hiện các nội dung của chương trình HĐTN cấp tiểu học. Trong đó, nội dung “Hoạt động hướng nghiệp” có kết quả thực hiện thấp nhất (trung bình). Do đó, để các nội dung của HĐTN nói chung, hoạt động hướng đến xã hội nói riêng được thực hiện thường xuyên và đem lại hiệu quả hơn, CBQL nhà trường cần xây dựng kế hoạch HĐTN có sự phân phối cho phù hợp, nhằm đảm bảo sự hài hoà giữa các nội dung.

3.3. Thực trạng thực hiện phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Krông Bông

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy, thực trạng mức độ thực hiện và kết quả thực hiện về phương thức tổ chức HĐTN cho HS ở các trường tiểu học huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk được đánh giá với ĐTBC mức độ thực hiện là 2,86 (mức thỉnh thoảng) và kết quả thực hiện là 3,40 (mức trung bình). Trong đó, Phương thức Khám phá, với các hoạt động như tham quan, cắm trại, thực địa, mặc dù có mức độ thực hiện thỉnh thoảng (2,25) và kết quả thực hiện ở mức trung bình (3,05). Điều này có thể do tâm lý e ngại vì sự an toàn khi đi tham quan, dã ngoại của các trường, đồng thời kinh phí để tổ chức hoạt động này khá nhiều nhưng kinh tế gia đình của HS còn khó khăn nên chưa thực hiện nhiều cũng như kết quả không cao. Chính vì vậy, các trường cần xây dựng phương án phù hợp với điều kiện kinh tế của cha mẹ học sinh, đồng thời phối hợp với các tổ chức xã hội để hỗ trợ cho các HĐTN của nhà trường. Phương thức Nghiên cứu có mức độ thực hiện thấp nhất (ĐTB = 2,20 tương ứng mức thỉnh thoảng), và kết quả thực hiện là (ĐTB= 3,18 tương ứng mức trung bình). Theo cô Đ.T. T, GV trường Tiểu học ST, phương pháp nghiên cứu chưa thực sự thu hút HS: “*HS còn ít tuổi và nhút nhát, chưa hiểu hết ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng. Một số các phương pháp nghiên cứu chưa gây được hứng thú cho các em do các em còn nhỏ, chưa có được sự tập trung cần*

thiết cho việc nghiên cứu, điều tra”. Trong khi đó, phương thức Thể nghiệm, tương tác có mức độ thực hiện ở mức thỉnh thoảng (3,20), nhưng kết quả thực hiện ở mức khá với ĐTB là 3,69 cho thấy phương thức thể nghiệm có hiệu quả rõ rệt. Phương thức Công hiến có mức độ thực hiện khá thấp với ĐTB là 3,07 (mức thỉnh thoảng) nhưng kết quả thực hiện được đánh giá ở mức khá với ĐTB là 3,68, cho thấy các hoạt động tình nguyện, công ích cũng đem lại kết quả tích cực, dù mức độ tham gia không đồng đều.

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng thực hiện phương thức tổ chức HĐTN cho HS

STT	Phương thức tổ chức HĐTN cho HS	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Hệ số tương quan r
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Phương thức Khám phá (bao gồm các hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa và các phương thức tương tự khác).	2,25	1,15	3,05	0,47	0,68**
2	Phương thức Thể nghiệm, tương tác (là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho HS giao lưu, tác nghiệp và thể nghiệm ý tưởng như diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi và các phương thức tương tự khác).	3,20	0,40	3,69	0,46	0,34**
3	Phương thức Công hiến (là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho HS mang lại những giá trị xã hội bằng những đóng góp và cống hiến thực tế của mình thông qua các hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền và các phương thức tương tự khác).	3,07	0,26	3,67	0,47	0,40**
4	Phương thức Nghiên cứu (Nhóm phương thức tổ chức này bao gồm các hoạt động khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, sáng tạo công nghệ, nghệ thuật và các phương thức tương tự khác).	2,20	0,55	3,18	0,39	0,77**
ĐTB Chung		2,86	0,59	3,40	0,45	

*Ghi chú: Điểm trung bình: ĐTB ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn; r: Hệ số tương quan: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$

Nhìn chung, mối quan hệ giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện trong các phương thức tổ chức HĐTN cho HS có tương quan thuận khá mạnh với hệ số tương quan dao động từ 0,34 đến 0,77. Các phương thức có hệ số tương quan cao (như Khám phá và Nghiên cứu) cho thấy sự kết nối mạnh mẽ giữa việc thực hiện các hoạt động và kết quả đạt được. Trong khi đó, các phương thức như Thể nghiệm, tương tác và Công hiến có hệ số tương quan thấp hơn nhưng vẫn có ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy khi các phương thức tổ chức HĐTN càng thường xuyên thì kết quả thực hiện càng cao..

3.4. Thực trạng thực hiện loại hình hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Krông Bông

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng thực hiện các loại hình HĐTN

STT	Loại hình tổ chức HĐTN cho HS	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Hệ số tương quan r
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Giáo dục theo chủ đề	3,95	0,23	4,22	0,41	0,46**
2	Sinh hoạt lớp	4,17	0,51	4,50	0,50	0,35**
3	Sinh hoạt dưới cờ	4,02	0,66	4,43	0,63	0,58**
4	Câu lạc bộ (tự chọn)	3,42	0,36	3,85	0,62	0,28**
ĐTB chung		3,89	0,44	4,25	0,54	

*Ghi chú: Điểm trung bình: ĐTB ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn; r: Hệ số tương quan: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$

Bảng 4 phản ánh mức độ thực hiện và kết quả thực hiện các loại hình tổ chức HĐTN (HĐTN) cho HS ở các trường tiểu học và mối quan hệ giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện các loại hình. Nhìn chung, các loại hình tổ chức HĐTN cho HS được thực hiện thường xuyên (ĐTB = 3,89) và kết quả thực hiện tốt (ĐTB = 4,25).

Các loại hình có mức độ thực hiện khá thường xuyên và kết quả thực hiện tốt bao gồm: giáo dục theo chủ đề (mức độ thực hiện ĐTB = 3,95 và kết quả thực hiện ĐTB = 4,22), sinh hoạt lớp (mức độ thực hiện ĐTB = 4,17 và kết quả thực hiện ĐTB = 4,50), sinh hoạt dưới cờ (mức độ thực hiện ĐTB = 4,02 và kết quả thực hiện ĐTB = 4,43). Với mức độ thực hiện và kết quả thực hiện đều đạt giá trị cao, các hoạt động này không chỉ được triển khai khá thường xuyên mà còn mang lại kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào việc phát triển toàn diện học sinh.

Trong khi đó, hình thức “câu lạc bộ” có mức độ thực hiện khá thường xuyên và kết quả thực hiện khá (mức độ thực hiện ĐTB = 3,42 và kết quả thực hiện ĐTB = 3,85). Mặc dù đây vẫn là một hình thức có đóng góp đáng kể vào việc phát triển năng khiếu và kỹ năng mềm cho học sinh, nhưng hiệu quả chưa cao như các loại hình khác. Sự chênh lệch này có thể xuất phát từ những hạn chế như điều kiện cơ sở vật chất chưa đáp

ứng đầy đủ, nội dung hoạt động thiếu hấp dẫn hoặc sự tham gia không đồng đều của học sinh. Do đó, cần có sự đầu tư thêm về cơ sở vật chất, đa dạng hóa nội dung hoạt động và nâng cao năng lực tổ chức để phát huy tối đa vai trò của loại hình này. Một ý kiến từ phỏng vấn cho rằng: “Các câu lạc bộ tự chọn đang phát triển tốt, nhưng để tăng cường hiệu quả, chúng tôi cần thêm nguồn lực và sự phối hợp từ phụ huynh để HS tham gia đều đặn và đầy đủ”. Phân tích tương quan cho thấy, mức độ thực hiện các loại hình tổ chức HĐTN có tương quan thuận với kết quả thực hiện các loại hình tương ứng với hệ số tương quan dao động từ 0,28 đến 0,58. Điều này có nghĩa là khi các loại hình HĐTN được triển khai thường xuyên và hiệu quả, kết quả đạt được từ các hoạt động này cũng có xu hướng cao hơn. Hệ số tương quan trong khoảng này thể hiện mối quan hệ ở mức từ yếu đến trung bình, cho thấy mức độ thực hiện chỉ giải thích một phần kết quả đạt được, nhưng vẫn đủ để khẳng định tầm quan trọng của việc duy trì tần suất và chất lượng tổ chức các hoạt động trải nghiệm. Các hoạt động được thực hiện càng bài bản, thường xuyên và có sự đầu tư phù hợp thì kết quả thu được càng tích cực.

Đánh giá chung cho thấy các loại hình tổ chức HĐTN như giáo dục theo chủ đề, sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ đều thực hiện thường xuyên và đạt kết quả thực hiện từ khá đến tốt. Tuy nhiên, để cải thiện những loại hình như câu lạc bộ tự chọn, cần có các biện pháp bổ sung về tổ chức và nguồn lực để tăng cường sự tham gia của HS, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động.

3.5. Thực trạng thực hiện công tác đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Krông Bông

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng thực hiện đánh giá kết quả HĐTN của HS

STT	Đánh giá kết quả HĐTN của HS	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện		Hệ số tương quan r
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
I	Nội dung đánh giá					
1	Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của HS đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục theo CTGDPT cấp tiểu học.	3,84	0,50	4,02	0,65	0,47**
2	Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS thông qua những phẩm chất chủ yếu và những năng lực cốt lõi.	4,05	0,23	4,07	0,60	0,11
	ĐTB	3,95	0,37	4,05	0,63	
II	Hình thức đánh giá					
1	Đánh giá thường xuyên về nội dung hoạt động giáo dục; về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực.	3,84	0,50	4,28	0,80	0,52**
2	Đánh giá định kỳ về nội dung học tập các môn học, hoạt động giáo dục và Đánh giá định kỳ về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực.	3,85	0,49	4,06	0,73	0,57**
	ĐTB	3,85	0,50	4,17	0,77	
III	Phương pháp đánh giá					
1	Phương pháp quan sát.	3,78	0,42	4,38	0,80	0,61**
2	Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS.	3,62	0,59	3,61	0,59	0,00
3	Phương pháp vấn đáp.	3,85	0,36	3,98	0,76	0,45**
4	Phương pháp kiểm tra viết.	3,74	0,44	3,07	0,57	0,30**
	ĐTB	3,75	0,45	3,76	0,68	
IV	Lực lượng tham gia đánh giá					
1	Bản thân HS (tự đánh giá).	3,73	0,65	3,79	0,78	0,31**
2	GV chủ nhiệm.	4,05	0,44	4,19	0,82	0,37**
3	Các GV và cán bộ khác trong trường.	3,87	0,33	3,98	0,62	0,41**
4	Cha mẹ HS và cộng đồng.	3,91	0,55	3,93	0,26	0,13
5	Bạn bè, nhóm (đánh giá đồng đẳng).	3,62	0,91	3,87	0,33	0,44**
	ĐTB	3,85	0,58	3,95	0,56	

*Ghi chú: Điểm trung bình: ĐTB ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn; r: Hệ số tương quan: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$

Bảng 5 cung cấp cái nhìn sâu sắc về mối tương quan giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện các hình thức đánh giá kết quả HĐTN của HS tại các trường tiểu học. Theo đó, về Nội dung đánh giá, hai tiêu chí chính là đánh giá quá trình học tập và sự tiến bộ của HS, cũng như sự hình thành phẩm chất, năng lực của HS, có sự chênh lệch về mức độ thực hiện và kết quả đạt được. Cụ thể, đánh giá quá trình học tập và sự tiến bộ của HS đạt mức độ thực hiện là 3,84 (tương ứng mức độ khá thường xuyên) và kết quả thực hiện là 4,02 (tương ứng kết quả thực hiện khá), với hệ số tương quan r là 0,47, cho thấy có sự liên kết rõ rệt giữa mức độ thực hiện và kết quả đạt được. Một GV nhận xét: *“Việc theo dõi quá trình học tập không chỉ giúp chúng tôi đánh giá sự tiến bộ của HS mà còn phát hiện sớm những khó khăn của các em trong quá trình học.”* Tuy nhiên, đánh giá sự hình thành phẩm chất và năng lực lại có hệ số tương quan thấp hơn ($r = 0,11$), cho thấy mặc dù có sự thực hiện, kết quả vẫn chưa phản ánh hết được sự phát triển phẩm chất của HS.

Về hình thức đánh giá, hai hình thức chính là đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ đều có mức độ thực hiện cao và kết quả thực hiện khả quan. Đánh giá thường xuyên về sự hình thành phẩm chất và năng lực của HS đạt mức độ thực hiện 3,84 (mức khá thường xuyên) và kết quả thực hiện 4,28 (mức tốt). Điều này phản ánh rằng hình thức đánh giá này không chỉ được triển khai một cách đều đặn mà còn mang lại hiệu quả tích cực trong việc theo dõi và hỗ trợ sự phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Đánh giá thường xuyên cho phép giáo viên và cán bộ quản lý theo dõi tiến trình phát triển của học sinh một cách liên tục, từ đó phát hiện kịp thời những khó khăn và có biện pháp can thiệp phù hợp. Hình thức này cũng tạo điều kiện cho học sinh được phản hồi thường xuyên, giúp các em nhận ra điểm mạnh và hạn chế của bản thân, từ đó điều chỉnh hành vi và thái độ học tập. Một GV chia sẻ: *“Đánh giá thường xuyên giúp chúng tôi điều chỉnh phương pháp giảng dạy kịp thời để các em có thể phát triển tốt hơn.”* Đánh giá định kỳ cũng cho thấy mối tương quan tương tự ($r = 0,57$), khẳng định tầm quan trọng của việc theo dõi định kỳ trong việc đánh giá toàn diện năng lực HS.

Về phương pháp đánh giá, phương pháp quan sát thể hiện sự hiệu quả cao nhất, với mức độ thực hiện 3,78 (khá thường xuyên) và kết quả thực hiện là 4,38 (mức tốt). Điều này cho thấy phương pháp này không chỉ được sử dụng phổ biến mà còn mang lại kết quả đáng tin cậy trong việc đánh giá sự tham gia, thái độ và kỹ năng của học sinh. Một GV cho biết: *“Phương pháp quan sát giúp tôi đánh giá chính xác hơn những phẩm chất và năng lực mà HS thể hiện trong các HĐTN”*. Trong khi đó, các phương pháp khác như kiểm tra viết và đánh giá qua hồ sơ học tập có sự chênh lệch lớn giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện, đặc biệt là phương pháp kiểm tra viết, có kết quả thực hiện thình thoảng (3,07), dù mức độ thực hiện khá 3,74. Điều này phản ánh rằng kiểm tra viết ít phản ánh sự phát triển toàn diện của HS trong các HĐTN.

Cuối cùng, về lực lượng tham gia đánh giá, GV chủ nhiệm có mức độ tham gia thường xuyên, với ĐTB mức độ thực hiện là 4,05 (khá thường xuyên) và kết quả thực hiện là 4,19 (khá). Điều này phản ánh rằng GV chủ nhiệm không chỉ tham gia đánh giá một cách thường xuyên mà còn thực hiện vai trò này với hiệu quả đáng kể. Là người gắn bó mật thiết với học sinh trong các hoạt động học tập và trải nghiệm, GV chủ nhiệm có lợi thế trong việc quan sát, theo dõi và nắm bắt sự tiến bộ của học sinh một cách liên tục và toàn diện. Họ không chỉ đánh giá dựa trên kết quả của các hoạt động cụ thể mà còn thông qua các tương tác hàng ngày, thái độ và hành vi của học sinh trong lớp học và các hoạt động ngoại khóa. Một GV chủ nhiệm chia sẻ: *“Chúng tôi luôn theo sát sự phát triển của HS và tham gia trực tiếp vào việc đánh giá kết quả HĐTN.”* Tuy nhiên, sự tham gia của cha mẹ HS và cộng đồng có mối tương quan thấp ($r = 0,13$), cho thấy cần có thêm sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình để tăng cường hiệu quả đánh giá. Trong khi đó, sự tham gia của bạn bè và nhóm trong việc đánh giá đồng đẳng có hệ số tương quan $r = 0,44$, cho thấy sự đánh giá giữa các HS cũng có ảnh hưởng tích cực.

Phân tích tương quan cho thấy có mối tương quan thuận giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện các nội dung đánh giá, hình thức đánh giá, phương pháp đánh giá và lực lượng tham gia đánh giá kết quả HĐTN của HS. Điều này cho thấy rằng khi các yếu tố này được triển khai thường xuyên, kết quả thực hiện cũng sẽ cao hơn. Mối quan hệ thuận này gợi ý rằng việc tổ chức đánh giá có sự kết nối mạnh mẽ giữa mức độ thực hiện và kết quả thu được, nghĩa là các yếu tố như nội dung, hình thức và phương pháp đánh giá càng được thực hiện chặt chẽ, phù hợp và thường xuyên, kết quả thực hiện các yếu tố này càng được cải thiện.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng thực trạng HĐTN cho HS ở các trường tiểu học huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk thực hiện ở mức độ từ thình thoảng đến khá thường xuyên và kết quả thực hiện từ yếu đến tốt. Trong đó, (1) kết quả thực hiện mục tiêu, yêu cầu và nội dung của HĐTN là từ trung bình đến khá; (2) Các phương thức tổ chức HĐTN được thực hiện từ thình thoảng đến khá thường xuyên và kết quả thực hiện từ yếu đến trung bình; (3) Các loại hình HĐTN được thực hiện chủ yếu ở mức khá thường xuyên và kết quả thực hiện từ khá đến tốt; (4) Việc đánh giá kết quả HĐTN được thực hiện chủ yếu ở mức khá thường xuyên

và kết quả thực hiện từ khá đến tốt. Điều này cho thấy trong quá trình thực hiện HĐTN cho HS ở các trường tiểu học huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk vẫn còn tồn tại những bất cập và hạn chế.

Từ cơ sở này, chúng tôi khuyến nghị đối với các chủ thể liên quan: (1) *Đối với nhà quản lý trường tiểu học*: Chỉ đạo đổi mới hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN cho HS theo hướng phát huy tính tích cực của người học; Tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức HĐTN cho đội ngũ GV; Tăng cường sự phối hợp giữa các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN cho HS như cha mẹ HS và các tổ chức xã hội; Chỉ đạo đổi mới đánh giá kết quả HĐTN của HS theo yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS theo từng lớp; Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm, trong đó chỉ đạo GV khai thác tốt các cơ sở vật chất và thiết bị dạy học hiện có, khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học. (2) *Đối với đội ngũ GV trường tiểu học*: chú trọng thực hiện đa dạng, linh hoạt các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN cho HS, phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong việc tổ chức hoạt động, đánh giá HĐTN cần theo đúng quy trình, đánh giá mức độ đạt được của HS theo 3 mức: biết, hiểu, vận dụng, chú trọng việc khai thác cơ sở vật chất và thiết bị dạy học hiện có, tăng cường tự làm đồ dùng dạy học phù hợp với từng chủ đề, từng hoạt động khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baysal, Z. N., Tezcan, Ö. A., & Araç, K. (2018). Perceptions of elementary school students: Experiences and dreams about the life studies course. *Universal Journal of Educational Research*, 6(3), 440–454. <https://doi.org/10.13189/ujer.2018.060311>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành chương trình giáo dục phổ thông: Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). *Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 về hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020–2021*.
- Dewey, J. (1986). Experience and education. *The Educational Forum*, 50(3), 241–252. <https://doi.org/10.1080/00131728609335764>
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice Hall.
- Lê, T. M. T. (2023). Thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm lớp 1 ở các trường tiểu học thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(9), 19–30. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.9.2023.1198>
- Nguyễn, T. L., Nguyễn, T. H., Tường, D. H., & Đào, T. N. M. (2016). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Phó, Đ. H., Vũ, T. L. A., & Nguyễn, T. H. T. (2020). *Tài liệu bồi dưỡng: Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học – Hoạt động trải nghiệm (Mô đun 2.12)*.
- Polesel, J. (2012). *The experience of education: The impacts of high-stakes testing on school students and their families: Literature review*. University of Melbourne.
-

The current status of experimental activities for students at primary schools in Krong Bong district, Dak Lak province

Tran Thi Vinh Nam¹, Nguyen Thi Ngoc Be²

¹Son Tay Primary School, Krong Bong District, Dak Lak Province

²University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 05 November 2024

Received in revised form: 25 December 2024

Accepted: 26 December 2024

Published: 20 December 2025

Keywords:

Teachers;

Experiential activities;

Students;

Primary school.

Corresponding author:

Nguyen Thi Ngoc Be

E-mail address:

ntngocbe@hueuni.edu.vn

ABSTRACT

The article evaluates the current status of extracurricular activities (ECAs) for students in elementary schools in Krong Bong district, Dak Lak province. Using survey methods, including questionnaires and interviews with 24 school administrators and 159 teachers in elementary schools in the district, the article assesses the status of ECAs for students based on a survey of the implementation level and outcomes of educational components: objectives, content, organization methods, types of activities, and evaluation of the results of students' ECAs. The survey results show that, overall, ECAs for students in elementary schools in Krông Bông district are conducted occasionally to fairly frequently, with performance outcomes ranging from poor to good. Among them, the implementation level and outcomes of various types of ECAs are the highest, while the organization methods of ECAs have the lowest implementation and performance outcomes. The research results will serve as an important practical foundation for proposing recommendations to relevant stakeholders in order to improve the effectiveness of ECAs for students in elementary schools within the study area.